TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 393 /2021/HS-ST
Ngày: 03 – 12 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tấn, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 204/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công T., sinh năm 1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc P., sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Hồng Q., sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 22/6/2015 bị TAND huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 04 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 25/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 19/6/2018; tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị bắt tạm giam từ ngày 02/12/2021 đến nay.

2. Nguyễn Văn Đ., sinh năm 1987 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: khu phố B, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T., sinh năm 1963 và bà Hồ Thị T., sinh năm 1964; có vợ tên Thái Thị B., sinh năm

1986 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Hoàng Đức M., sinh năm 1994 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Xóm V, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Nguyễn Phú A., sinh năm 1994 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Thôn Y, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế M., sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị M., sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Hoàng Văn A1, sinh năm 1991 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Xã I, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; nơi tạm trú: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H. (đã chết), và bà Lê Thị T., sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Bùi Đình N., sinh năm 1991 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: khu phố B, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình A., sinh năm 1965 và bà Phạm Thị T., sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Trịnh Du N1, sinh năm 1995 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn M., sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T., sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Trịnh Ngọc S., sinh năm 1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: Xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc M, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày

22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Lê Quang T1, sinh năm 1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn L, Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T2. , sinh năm 1965 và bà Phan Thị H., sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/10/2012 bị Công an huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đi lại trái phép trong khu vực biên giới bằng hình thức phạt tiền. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị M. Vắng mặt.

- Ông Võ T. Vắng mặt.

- Ông Võ Duy C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22/5/2020, Nguyễn Văn Đ., Trịnh Du N1, Nguyễn Phú A., Hoàng Đức M., Nguyễn Công T., Hoàng Văn A1, Trịnh Ngọc S., Bùi Đình N., Lê Quang T1 rủ nhau đến phòng trọ số 10 thuộc cơ sở trọ có địa chỉ khu phố Đ, phường B, thành phố Thuận An để chơi xóc đĩa chẵn lẻ thắng thua bằng tiền mỗi ván từ 100.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Cách thức chơi như sau: Người chơi đặt tiền vào ô có chữ chẵn hoặc lẻ, nhà cái dùng 04 con vị (được cắt thành hình tròn từ các lá bài, trong đó có 01 mặt màu đỏ, 01 mặt màu trắng gọi là mặt đen) được đựng trong 01 cái dĩa và 01 cái chén rồi xóc lên. Nếu có 02 mặt đỏ và 02 mặt đen, hoặc 04 mặt đều đỏ, hoặc 04 mặt đều đen thì là chẵn, còn lại là lẻ, người chơi thắng thua trực tiếp với nhà cái, người nào muốn làm cái cũng được. Các đối tượng chơi đến khoảng 15 giờ 20 phút ngày 22/5/2020 thì bị phát hiện bắt quả tang, số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 15.200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau:

Nguyễn Văn Đ. mang theo và sử dụng 1.450.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thua 1.000.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 150.000 đồng trong người và 300.000 đồng tại chiếu bạc.

Trịnh Du N1 mang theo và sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 300.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng trong người.

Nguyễn Phú A. mang theo và sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thua hết.

Hoàng Đức M. mang theo và sử dụng 1.800.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 4.900.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 6.700.000 đồng trong người.

Nguyễn Công T. mang theo và sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thua hết.

Hoàng Văn A1 mang theo và sử dụng 9.500.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 3.000.000 đồng, bị tạm giữ trong người 11.500.000 đồng và 1.000.000 đồng tại chiếu bạc.

Trịnh Ngọc S. mang theo 12.600.000 đồng, sử dụng 1.100.000 đồng đánh bạc, quá trình chơi thua 400.000 đồng, bị tạm giữ trong người 12.200.000 đồng.

Bùi Đình N. mang theo và sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 5.400.000 đồng, bị tạm giữ trong người 5.000.000 đồng và 1.600.000 đồng tại chiếu bạc.

Lê Quang T1 mang theo và sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thua hết.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 41.250.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 15.200.000 đồng tại chiếu bạc; 01 bộ dụng cụ xóc đĩa (gồm: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 chén sứ màu trắng; 04 miếng giấy hình tròn có in hình con thoi màu đỏ, đường kính 2,5cm); 01 cái chăn vải màu đỏ, vàng có họa tiết; số tiền 37.550.000 đồng thu giữ trong người các bị cáo cụ thể: 150.000 đồng của Nguyễn Văn Đ., 2.000.000 đồng của Trịnh Du N1, 6.700.000 đồng của Hoàng Đức M., 11.500.000 đồng của Hoàng Văn A1, 12.200.000 đồng của Trịnh Ngọc S., 5.000.000 đồng của Bùi Đình N..

Cáo trạng số: 67/CT-VKS-TA ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ., Trịnh Du N1, Nguyễn Phú A., Hoàng Đức M., Nguyễn Công T., Hoàng Văn A1, Trịnh Ngọc S., Bùi Đình N., Lê Quang T1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo như sau: Nguyễn Công T. từ 15 đến 18 tháng tù; Hoàng Đức M. từ 10 đến 12 tháng tù; Hoàng Văn A1 Từ 11 đến 15 tháng tù; Trịnh Du N1, Bùi Đình N., Lê Quang T1, Trịnh Ngọc S. mỗi bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

+ 01 bộ dụng cụ xóc đĩa (gồm: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 chén sứ màu trắng; 04 miếng giấy hình tròn có in hình con thoi màu đỏ, đường kính 2,5cm); 01 cái chăn vải màu đỏ, vàng có họa tiết là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền 41.250.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 11.500.000 đồng của bị cáo Trịnh Ngọc S. không sử dụng vào việc đánh bạc nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

- Các bị cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt các bị cáo thống nhất với các lời khai trong quá trình điều tra cũng như hành vi phạm tội như nội dung của Bản kết luận điều tra và Cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố, các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[1.2] Các bị cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt với lý do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, việc di chuyển, đi lại khó khăn. Xét thấy, hiện tại tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp, số ca dương tính có xu hướng gia tăng từng ngày và việc các bị cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là tự nguyện, không bị ai ép buộc, yêu cầu này của các bị cáo phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp quy định tại Điều 290 của Bộ luật tố tụng Hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22/5/2020, tại phòng trọ số 10 thuộc cơ sở trọ có địa chỉ 11R/18 khu phố Đ, phường B, thành phố Thuận An, các bị cáo Nguyễn Văn Đ., Trịnh Du N1, Nguyễn Phú A., Hoàng Đức M., Nguyễn Công T., Hoàng Văn A1, Trịnh Ngọc S., Bùi Đình N., Lê Quang T1 tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa chẵn lẻ, hành vi của các bị cáo sau đó bị phát hiện bắt quả tang, tổng số tiền các bị cáo sử dụng

đánh bạc là 41.250.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì ham mê cờ bạc nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Lê Quang T1 có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đi lại trái phép trong khu vực biên giới bằng hình thức phạt tiền.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã bị kết án về tội "Cố ý gây thương tích", chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt các bị cáo. Ngoài bị cáo Nguyễn Công T. thì các bị còn lại đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Trong vụ án có vai trò đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Bị cáo Hoàng Văn A1 và Hoàng Đức M. sử dụng số tiền lớn để đánh bạc, bị cáo Trứ có 01 tiền án, do đó cần phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ., Trịnh Du N1, Nguyễn Phú A., Trịnh Ngọc S., Bùi Đình N., Lê Quang T1 sử dụng số tiền đánh bạc không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[7] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi các bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cho phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 bộ dụng cụ xóc đĩa (gồm: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 chén sứ màu trắng; 04 miếng giấy hình tròn có in hình con thoi màu đỏ, đường kính 2,5cm); 01 cái chăn vải màu đỏ, vàng có họa tiết là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 41.250.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 11.500.000 đồng của bị cáo Trịnh Ngọc S. không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công T.;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Đức M., Hoàng Văn A1;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ., Trịnh Du N1, Nguyễn Phú A., Trịnh Ngọc S., Bùi Đình N., Lê Quang T1;

- Điều 106, Điều 136 và Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T., Nguyễn Văn Đ., Trịnh Du N1, Nguyễn Phú A., Hoàng Đức M., Hoàng Văn A1, Trịnh Ngọc S., Bùi Đình N., Lê Quang T1 phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T. 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/12/2021, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn A1 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Đức M. 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/5/2020 đến ngày 01/6/2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ. 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ. cho UBND phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Du N1 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Du N1 cho UBND phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú A. 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Phú A. cho UBND xã V, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc S. 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Ngọc S. cho UBND xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xử phạt bị cáo Bùi Đình N. 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Đình N. cho UBND phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Lê Quang T1 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Quang T1 cho UBND Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên theo quy định của Luật thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ xóc đĩa gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 chén sứ màu trắng, 04 miếng giấy hình tròn có in hình con thoi màu đỏ đường kính 2,5cm, 01 cái chăn vải màu đỏ, vàng có họa tiết.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 41.250.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Ngọc S. số tiền 11.500.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và ủy nhiệm chi cùng ngày 28/01/2021)

3. Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan THAHS Công an thành phố Thuận An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Quang Ngọc Nhân